

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

VN-Index

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	462.12	↓-6.62	-1.41%
KLGD (triệu ck)	50.82	↓-16.07	-24.03%
GTGD (tỷ đồng)	696.35	↓-429.16	-38.13%
Tổng cung (triệu ck)	68.40	↓-13.98	-16.97%
Tổng cầu (triệu ck)	69.45	↓-16.50	-19.19%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	4.89	↓-6.14	-55.67%
KL bán (triệu ck)	2.98	↓-7.45	-71.39%
Giá trị mua (tỷ đồng)	122.50	↓-196.84	-61.64%
Giá trị bán (tỷ đồng)	94.02	↓-184.87	-66.29%

HNX-Index

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	59.30	↓-1.39	-2.29%
KLGD (triệu ck)	34.15	↓-35.69	-51.10%
GTGD (tỷ đồng)	242.34	↓-263.78	-52.12%
Tổng cung (triệu ck)	52.66	↓-53.68	-50.48%
Tổng cầu (triệu ck)	49.96	↓-28.28	-36.15%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.29	↓-0.01	-0.49%
KL bán (triệu ck)	1.50	↓-0.30	-16.47%
Giá trị mua (tỷ đồng)	15.81	↓-1.38	-8.02%
Giá trị bán (tỷ đồng)	14.90	↓-5.75	-27.85%

Diễn biến chỉ số giá bộ chỉ số PVN-Index

Chỉ Số	Giá Cuối	Thay Đổi	% Thay Đổi
PVN 10	823.07	↓-0.64	↓-0.08
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	765.14	↓-0.69	↓-0.09
PVN ALLSHARE	744.1	↓-0.77	↓-0.1
PVN ALLSHARE HNX	526.94	↓-4.22	↓-0.79
PVN ALLSHARE HSX	820.15	↓-0.11	↓-0.01
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1231.88	↑8.7	↑0.71
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	1098.59	↑7.04	↑0.65
PVN Tài Chính	583.57	↑1.26	↑0.22
PVN Công Nghiệp	373.77	↓-4.5	↓-1.19
PVN Dầu Khí	736.84	↓-1.37	↓-0.19
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	622.32	↓-9.31	↓-1.47

So sánh các chỉ số chính

	Đóng cửa phiên gần nhất	% Thay đổi trong phiên gần nhất	% Thay đổi so với cuối tuần trước	% Thay đổi so với đầu năm 2012
VN-Index	462.12	↓-1.40%	↓-1.40%	↑ 32.03%
VN30-Index	528.29	↓-1.16%	↓-1.16%	↑ 37.12%
PVNAllshare HSX	794.89	↓-1.66%	↓-1.66%	↑ 54.39%
HNX-Index	59.30	↓-2.29%	↓-2.29%	↑ 4.42%
HNX30-Index	113.13	↓-2.85%	↓-2.85%	↑ 13.13%
PVNAllshare HNX	496.08	↓-2.80%	↓-2.80%	↓ -8.69%
PVNAllshare	718.84	↓-1.80%	↓-1.80%	↑ 39.52%
PVN 10	772.65	↓-2.80%	↓-2.80%	↑ 17.29%

Một số thông tin vĩ mô đáng chú ý:

Việt Nam tiếp tục xuất siêu mạnh trong 2 tháng đầu năm 2013 với giá trị 1,67 tỷ USD, trong đó đóng góp chính là từ mảng điện thoại di động của Samsung với giá trị 2,67 tỷ USD xuất khẩu 2 tháng đầu năm (chiếm 14% kim ngạch xuất khẩu). Trong khi nhập khẩu máy móc, nguyên vật liệu sản xuất vẫn ở mức thấp.

Vốn FDI vào Việt Nam sụt giảm. Trong 2 tháng đầu năm 2013, có 99 dự án mới với tổng vốn 532 triệu USD, bằng 46,1% so với cùng kỳ năm 2012 và 31 dự án tăng vốn với giá trị 98,3 triệu USD, bằng 19,7% cùng kỳ năm 2012. Tính chung 2 tháng đầu năm FDI chỉ đạt 38,1% so với cùng kỳ năm 2012 và vẫn đang ở xu thế giảm FDI từ năm 2009 trở lại đây.

Các chính sách kiểm soát vàng đi vào hiệu quả: Chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế đã giảm mạnh (hiện nay khoảng 3,8 triệu/lượng so với mức khoảng 5 triệu/lượng thời điểm vừa qua). Ngày 4/3/2013, Thủ tướng chính phủ có quyết định số 16/2013/QĐ-TTg về việc mua bán vàng miếng trên thị trường trong nước của NHNN Việt Nam và sẽ đưa chênh lệch về mức hợp lý.

Nhận định thị trường:

“Phiên giao dịch khởi nghĩa thất bại”

Thị trường tiếp tục với một phiên giảm điểm và chưa có dấu hiệu phục hồi trở lại. Các tín hiệu dòng tiền mua bắt đáy đã xuất hiện trong phiên buổi sáng nhưng do lượng bán gia tăng đặc biệt tại phiên giao dịch buổi chiều làm thị trường không thể đảo chiều thành công.

Trong phiên buổi sáng mặc dù lực cầu bắt đáy ra tăng đặc biệt ở các cổ phiếu có tính đầu cơ cao nhưng do lực bán gia tăng mạnh đặc biệt ở 30 phút cuối làm hàng loạt các cổ phiếu đầu cơ giảm mạnh và có nhiều mã giảm sàn và trắng bên mua như KBC, ITA, LCG, HQC, DLG, MCG, HLA, VID,... nhưng lượng dư bán sàn vẫn đang ở mức thấp.

Tại sàn Hà Nội, các cổ phiếu chủ chốt đều có phiên giảm điểm đáng kể như SHB, PVX, KLS, VND, PVL cùng với việc giảm sàn của các mã VCG, SCR, VIG, ORS, THV làm HNX-Index giảm mạnh về mức 59.3 điểm và đã thủng ngưỡng 60 điểm.

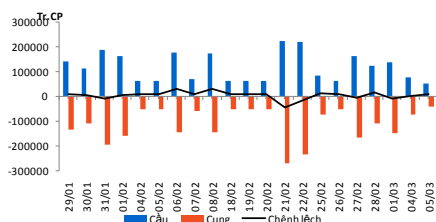
Thanh khoản trên hai sàn sụt giảm cả về giá trị và khối lượng với mức khối lượng giao dịch đạt 123.41 triệu đơn vị giảm -20% so với phiên giao dịch ngày 4/3/2013, giá trị giao dịch đạt 1,223.16 tỷ đồng giảm -31,4% so với phiên giao dịch trước.

Các dấu hiệu kỹ thuật cũng như thị trường cho thấy chưa có tín hiệu tích cực nào đáng kể để thị trường thoát khỏi xu hướng sụt giảm trong phiên tiếp theo cũng như xu hướng trong ngắn hạn. Theo đánh giá của chúng tôi thị trường tiếp tục sụt giảm trong ngắn hạn một số phiên tới đây và có thể về các mốc 450 điểm và có thể rơi tiếp về tới mốc 420 điểm nếu diễn biến tiếp tục xấu đi trong các phiên tới.

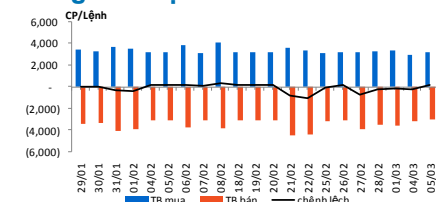
TÓM TẮT DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TRONG PHIÊN

Diễn biến sàn Hồ Chí Minh

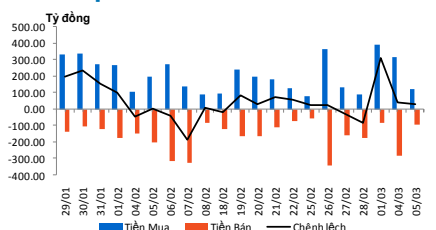
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Chỉ số VN-Index mở cửa giảm nhẹ 1.38 điểm xuống mức 467.36 điểm, tương ứng mức giảm -0.29%. Đầu phiên nhờ lực đỡ của các cổ phiếu bluechip như MSN, VIC, HAG, VNM nên mức độ giảm của Vn-Index tương đối thấp. Tuy nhiên, với hàng loạt lệnh bán sàn đầu giờ ở các mã ITA, KBC, HAP, PXM, OGC, DLG, POM, VID, VIS, VNA, VOS,... với hơn 110 mã giảm giá và chỉ khoảng 30 mã tăng giá thì VN-Index đã có lúc giảm hơn 5.5 điểm.

Trong giai đoạn khòp lệnh liên tục thì lực cầu bắt đáy có dấu hiệu tăng lên và giao dịch giảm cơ giữa bên mua và bên bán. Kết thúc phiên buổi sang VN-Index giao dịch ở mức 464.86 điểm với mức giảm 3.88 điểm tương ứng với -0.83% với 144 mã giảm điểm và chỉ có 58 mã tăng điểm. Một số mã tăng điểm trong phiên như STB, SSI, VNM, REE trong khi các mã có tính chất đầu cơ cao chủ yếu giảm mạnh như ITA, KBC, LCG, SAM, HQT, DLG,...

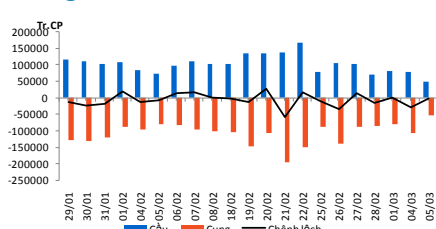
Trong phiên giao dịch buổi chiều lực bán đã áp đảo lực mua với mức chốt phiên cuối phiên buổi chiều ở mức 462.12 điểm giảm 6.62 điểm tương ứng với mức giảm -1.41% so với phiên trước đó. Hàng loạt cổ phiếu sàn như ITA, KBC, LCG, HQT, DLG, PXL, VIS,... và chủ yếu rơi vào nhóm các cổ phiếu đầu cơ cao. Khi thị trường sụt giảm thì nhóm các cổ phiếu đầu cơ bị giảm sàn liên tục thường chiếm tỷ lệ cao.

Giao dịch trên sàn ở mức 59.78 triệu đơn vị với đạt giá trị hơn 779.37 tỷ đồng. Thanh khoản giao dịch quay lại mức thấp so với các phiên vừa qua do những lo ngại về việc thị trường tiếp tục giảm điểm trong các phiên sắp tới.

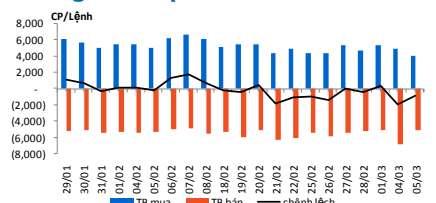
Hoạt động khối ngoại cũng không mấy sôi động, họ mua ITA khoảng 900 ngàn đơn vị, TTF 350 ngàn đơn vị, còn GMD chỉ được mua 250 ngàn đơn vị. Các mã khác lượng mua không đáng kể.

Diễn biến sàn Hà Nội

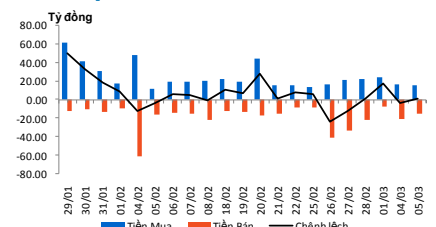
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Trong 30 phút đầu giao dịch hôm nay, HNX-Index đã giảm 1.7% và đâm thủng ngưỡng 60 điểm với khối lượng giao dịch hơn 10 triệu đơn vị.

Vào cuối phiên giao dịch buổi sáng, HNX-Index quay về mốc 60.08 điểm với mức giảm 0.61 điểm tương ứng mức giảm -1.01% với 103 mã giảm điểm, 44 mã tăng điểm. SHB tiếp tục dẫn đầu về khối lượng giao dịch với hơn 10 triệu đơn vị được thực hiện chiếm gần 1/3 tổng giá trị giao dịch của sàn Hà Nội.

Trong phiên buổi chiều, HNX-Index tiếp tục giảm sâu so với phiên buổi sáng với chốt phiên ở mức 59.3 điểm, giảm -1.39 điểm tương ứng mức giảm -2.29%. Các mã đầu cơ cao như SCR, VCG đều giao dịch ở mức sàn và không có dư mua, các mã PVX, SHB, KLS, VND đều giao dịch ở mức giá đỏ.

Trong cả phiên giao dịch, HNX giao dịch với tổng khối lượng 63.63 triệu đơn vị tương ứng với giá trị 443.79 tỷ đồng. Dòng tiền tiếp tục suy giảm so với các phiên trước đây do tâm lý lo ngại việc giảm điểm tiếp tục kéo dài.

Giao dịch của khối nhà đầu tư nước ngoài trên sàn Hà Nội chủ yếu rơi vào cổ phiếu PVS với khối lượng mua đạt 612.400 đơn vị và khối lượng mua dòng của khối ngoại với cổ phiếu PVS đã diễn ra liên tục trong nhiều phiên vừa qua.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Đồ thị chỉ số VN-Index



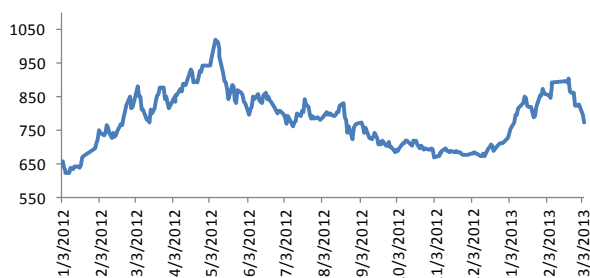
Đồ thị chỉ số HNX-Index

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

PVN 10



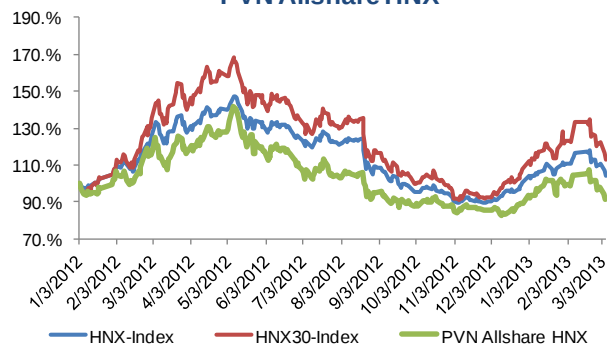
PVN ALLSHARE



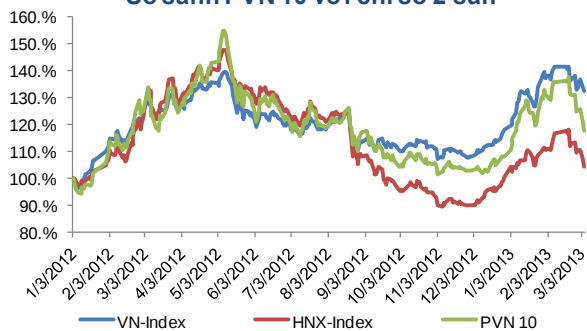
So sánh các chỉ số trên HSX với PVN Allshare HSX



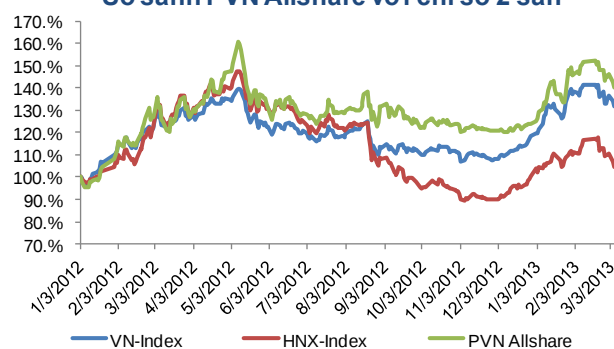
So sánh các chỉ số trên HNX với PVN Allshare HNX



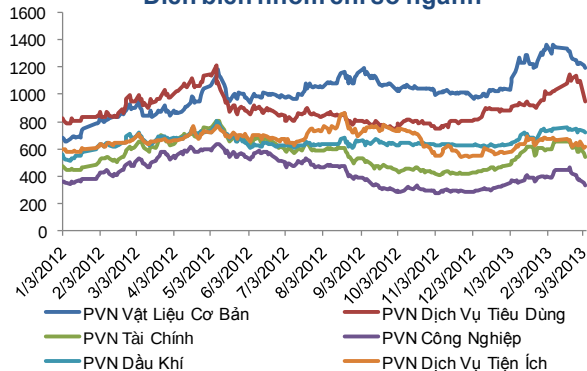
So sánh PVN 10 với chỉ số 2 sàn



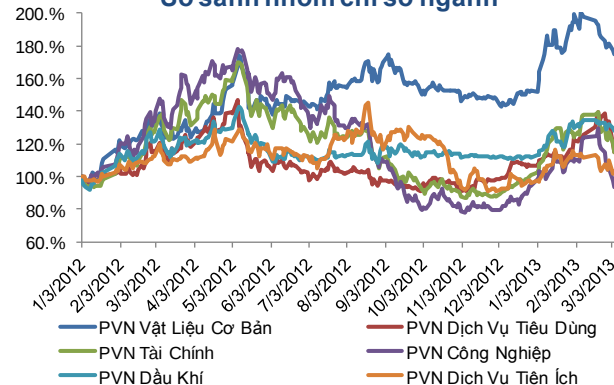
So sánh PVN Allshare với chỉ số 2 sàn



Diễn biến nhóm chỉ số ngành



So sánh nhóm chỉ số ngành



Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 4 mã cổ phiếu đứng giá, 20 mã giảm giá và 4 mã tăng giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1.83% và tổng khối lượng giao dịch đạt mức 13.279 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 05/03/2013:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Sàn
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	4,500.0	-	0.00	0.39	12.16	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,200.0	11,400	-3.03	0.31	29.09	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đồng Đô	2,600.0	262,300	-3.70	0.15	0.25	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17,500.0	370,400	-2.78	1.44	1.17	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,800.0	5,100	-2.00	0.91	6.20	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	2,300.0	-	0.00	0.21	1.27	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,100.0	103,000	2.50	0.41	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	12,600.0	304,500	0.80	0.75	1.88	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	6,600.0	36,000	-2.94	1.16	3.01	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	8,200.0	143,500	0.00	0.53	5.90	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,500.0	24,100	-3.13	0.66	7.83	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,000.0	2,266	-9.09	0.48	2.35	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,100.0	756,632	-1.31	1.28	4.04	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5,100.0	7,627,376	-5.56	0.22	1.92	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	45,200.0	89,560	-1.09	3.65	14.49	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	41,000.0	485,730	-1.68	2.45	6.62	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,600.0	20,040	-0.72	1.27	3.36	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,100.0	17,420	1.43	0.61	5.18	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	13,400.0	398,410	-4.29	0.76	3.30	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	31,000.0	47,090	0.98	1.51	4.38	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	3,300.0	534,600	-5.71	0.32	2.56	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	35,100.0	326,070	-4.10	1.19	6.90	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	10,500.0	618,080	-5.41	0.92	13.29	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,500.0	572,340	-4.26	0.46	40.91	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	4,000.0	44,880	0.00	0.38	2.67	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	2,100.0	4,520	-4.55	0.19	1.09	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	8,700.0	446,280	-6.45	0.66	2.61	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,300.0	7,120	-6.52	0.39	2.83	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

Thông tin doanh nghiệp

Năm 2012 Doanh thu các doanh nghiệp dầu khí niêm yết trên HSX và HNX đạt 180,5 nghìn tỷ đồng tăng 6,5% so với năm 2011. Lợi nhuận sau thuế (LNST) của công ty mẹ năm 2012 đạt 15,5 nghìn tỷ đồng tăng 9,6% so với năm 2011. Trong đó riêng LNST của PVGas đã chiếm 63% tổng lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp dầu khí. Các công ty hoạt động trong lĩnh vực cốt lõi ngành dầu khí trong năm 2012 đạt mức tăng trưởng lợi nhuận là 21,1%. Hầu hết các công ty này đều có sự tăng trưởng về lợi nhuận so với năm 2011. Bình quân P/E của các doanh nghiệp dầu khí hiện nay ở mức 24,46 lần cao hơn mức trung bình thị trường ở mức 13,19 lần (sàn HSX) và 14,67 lần (sàn HNX), nếu chỉ lấy các công ty trong lĩnh vực dầu khí thì bình quân P/E chỉ ở mức 5,66 lần thấp chỉ bằng hơn 1/3 thị trường chung. Bình quân P/B của các doanh nghiệp dầu khí ở mức 0,80 lần thấp hơn so với P/B bình quân hiện nay ở mức 1,76 lần (sàn HSX) và 0,79 lần (sàn HNX).

TT	Mã	Doanh thu		LNST cty mẹ		Vốn			EPS		Giá 4/3/2012 (VNĐ)	P/E (lần)	P/B (lần)
		DT 2012 (tỷ VNĐ)	DT 2011 (tỷ VNĐ)	LNST 2012 (tỷ VNĐ)	LNST 2011 (tỷ VNĐ)	VCSH 2012 (tỷ VNĐ)	BV (VNĐ)	Vốn DL (tỷ VNĐ)	EPS 2012 (VNĐ)	EPS 2011 (VNĐ)			
1	GAS	68,176.5	64,224.5	9,803.5	5,912.7	27,114.0	14,308	18,950.0	5,173	2,285	45,700	8.83	3.19
2	PVD	11,859.0	9,210.8	1,317.6	1,067.0	6,984.8	33,180	2,105.1	6,269	5,088	36,600	5.84	1.10
3	PVS	24,538.7	24,312.6	1,086.4	1,418.8	6,219.1	20,883	2,978.0	3,648	4,973	15,300	4.19	0.73
4	PVC	3,436.2	2,517.6	107.8	124.0	809.6	16,192	500.0	2,943	3,541	12,500	4.25	0.77
5	PGS	6,266.0	5,764.2	147.3	238.5	801.7	21,097	380.0	3,876	6,518	18,000	4.64	0.85
6	PVG	4,152.9	3,927.5	36.8	137.6	404.5	14,594	277.2	1,326	5,141	8,200	6.18	0.56
7	DPM	13,321.9	9,226.5	3,019.0	3,104.3	8,227.1	21,650	3,800.0	7,996	8,288	41,700	5.22	1.93
8	PVX	4,905.0	9,271.9	(1,087.8)	(19.1)	3,186.9	7,967	4,000.0	(2,988)	784	5,400	(1.81)	0.68
9	PVT	4,470.9	4,157.5	104.5	43.3	2,584.3	11,110	2,326.0	449	109	4,700	10.47	0.42
10	PVE	460.3	686.0	14.3	56.0	296.7	11,870	250.0	609	3,868	6,800	11.17	0.57
11	PXS	1,201.3	1,088.4	65.1	117.0	475.7	12,678	375.2	1,736	3,713	9,300	5.36	0.73
12	GSP	689.0	609.7	42.5	41.1	360.9	12,030	300.0	1,418	1,369	7,000	4.94	0.58
13	PPS	1,972.8	946.1	27.2	23.7	184.4	12,297	150.0	1,813	1,582	10,000	5.51	0.81
14	PPE	7.0	15.6	(4.7)	3.6	15.8	7,913	20.0	(2,374)	1,812	2,300	(0.97)	0.29
15	PXI	846.2	1,651.9	8.4	47.4	330.3	11,010	300.0	281	1,581	4,000	14.23	0.36
16	PXT	648.8	870.1	4.6	34.7	214.8	10,740	200.0	229	1,733	4,600	20.13	0.43
17	PCT	883.0	579.2	7.5	2.3	239.6	10,417	230.0	327	99	3,300	10.11	0.32
18	PXM	200.6	927.8	(100.3)	23.8	53.4	3,561	150.0	(6,690)	1,502	2,200	(0.33)	0.62
19	PGD	5,487.6	3,342.2	228.0	303.8	995.8	23,211	429.0	5,315	7,082	30,700	5.78	1.32
20	PCG	800.2	605.1	6.5	6.7	213.7	11,326	188.7	339	331	4,500	13.27	0.40
21	CNG	801.2	731.8	118.3	203.4	381.0	17,863	213.3	5,548	10,016	27,800	5.01	1.56
22	PET	10,160.7	10,320.7	176.9	285.4	1,240.2	17,758	698.4	2,562	4,113	14,000	5.46	0.79
23	PVF	9,386.0	7,822.6	45.5	471.9	6,644.2	10,972	6,055.6	76	787	11,000	144.74	1.00
24	PVI	5,406.7	4,751.1	389.0	347.6	6,083.3	25,970	2,342.4	1,813	2,066	16,000	8.83	0.62
25	PTL	345.8	744.3	4.8	128.4	1,011.9	10,119	1,000.0	48	1,291	3,500	72.92	0.35
26	PSI	125.9	176.4	0.8	(93.3)	591.8	9,889	598.4	14	(1,558)	4,000	291.91	0.40
27	PFL	2.1	353.8	(24.7)	29.7	499.7	9,993	500.0	(494)	594	2,700	(5.46)	0.27
Tổng hợp		180,552.1	168,836.0	15,545.0	14,060.2				1,528	2,915		23.79	0.80

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch
ITA	7,400	6,900	-6.76	48,638,581
DRC	35,300	33,500	-5.10	34,276,302
SSI	17,300	17,100	-1.16	26,441,000
CTG	19,200	18,600	-3.12	23,308,766
REE	17,800	17,700	-0.56	23,105,863

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
TMS	21,700	23,200	1,500	6.91
FDC	19,000	20,300	1,300	6.84
AGM	17,700	18,900	1,200	6.78
LIX	22,500	24,000	1,500	6.67
ASP	4,700	5,000	300	6.38

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
ITD	4,300	4,000	-300	-6.98
CIG	2,900	2,700	-200	-6.90
KBC	8,700	8,100	-600	-6.90
LGC	18,900	17,600	-1,300	-6.88
ITA	7,400	6,900	-500	-6.76

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VNM	36,215	VNM	35,706
DPM	12,744	DPM	9,965
GMD	7,398	PVD	9,177
ITA	6,484	CTG	6,614
BVH	4,578	IMP	3,820

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch
SCR	8,100	7,300	-9.88	57,741
KLS	9,000	8,600	-4.44	40,445
PVX	5,400	5,100	-5.56	39,659
PVS	15,300	15,100	-1.31	11,432
FLC	7,400	6,800	-8.11	8,639

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
FDT	36,000	39,600	3,600	10.00
MIC	14,100	15,500	1,400	9.93
SAF	26,400	29,000	2,600	9.85
B82	8,200	9,000	800	9.76
ILC	4,100	4,500	400	9.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HTB	36,000	32,400	-3,600	-10.00
SCR	8,100	7,300	-800	-9.88
NVB	7,100	6,400	-700	-9.86
SDE	11,300	10,200	-1,100	-9.73
DC2	7,200	6,500	-700	-9.72

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	9,263	KLS	9,577
DBC	1,675	PVS	3,110
EBS	1,024	AAA	1,028
KLS	897	BVS	235
PVC	726	SD7	218

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



PSI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax(84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng– ĐT: (84-0511)3899338; Fax: (84-0511) 3899339